

Số: 06/2022/QĐST - VDS

Cẩm Phả, ngày 25 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v : tuyên bố một người là đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Đặng Thị Minh Ngà;
Thư ký phiên họp: bà Vũ Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Cẩm Phả

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên họp:
bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1958; địa chỉ: số nhà 57, phố L, tổ 22, khu Đ, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Người bị yêu cầu: ông Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1917 có nơi cư trú cuối cùng tại số nhà 34, phố L, thị xã C, (nay là số nhà 57 phố L, thuộc tổ 22, khu Đ, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

-Bà Nguyễn Thị Th1 – sinh năm 1951; địa chỉ: tổ 22, khu Đ, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Th2 – sinh năm 1954; địa chỉ: tổ 22, khu Đ, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T3 – sinh năm 1955; địa chỉ: tổ 2, khu 8A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

(Bà Th1 bị bệnh tâm thần ông T1 là người giám hộ; bà Th2 có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày: bố ông là ông Nguyễn Khắc T2, mẹ ông là bà Phạm Thị C, bố mẹ ông có 04 người con là Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị Th2, Nguyễn Thị T3 và Nguyễn Ngọc T1. Mẹ ông chết năm 2003, bố ông là ông Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1917 có nơi cư trú cuối cùng tại số nhà 34, phố L, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nay là số nhà 57 phố L, thuộc tổ 22, khu Đ, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; ông Nguyễn Khắc T2 đã đi biệt tích từ năm 1983 cho đến nay đã 39 năm liền, không có tin tức xác thực là còn sống, gia đình ông đã tiến hành nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả gì. Vì vậy ông Nguyễn Ngọc T1 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả tuyên bố ông Nguyễn Khắc T2 là đã chết, để ông thực hiện việc khai tử đối với ông Nguyễn Khắc T2.

Tại phiên họp ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị T3 trình bày thêm: năm 1983 ông Nguyễn Khắc T2 bỏ nhà đi, khi đó ông T2 đã 66 tuổi và có mắc bệnh tâm thần hoang tưởng, gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi, nhiều lần trong thời gian dài nhưng không có thông tin gì, cho đến nay không có thông tin gì là ông T2 còn sống.

Bà Nguyễn Thị Th1 bị bệnh tâm thần, bà Th1 không có chồng con hiện nay đang do ông T1 chăm sóc, người giám hộ cho bà Th1 là ông T1. Bà Nguyễn Thị Th2 vắng mặt tại phiên họp, nhưng trong văn bản gửi về Tòa án bà Th2 xác nhận bà đã nhận được thông báo thụ lý việc dân sự, bà đồng ý với yêu cầu của ông T1 và đề nghị được vắng mặt tại các phiên làm việc tại Tòa án. Bà Nguyễn Thị T3 có mặt tại phiên họp có quan điểm đồng ý những nội dung ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày và đồng ý việc ông T1 yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Khắc T2 là đã chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên họp, đủ cơ sở để kết luận, ông Nguyễn Khắc T2 bỏ đi biệt tích đã quá 05 năm và không có thông tin xác thực là còn sống, căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T1 về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông Nguyễn Khắc T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết là ông Nguyễn Khắc T2 có nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích là tại: số nhà 34, phố L, thị xã C, nay là số nhà 57 phố L, thuộc tổ 22, khu Đ, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Cấm Phả theo quy định tại khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người yêu cầu là ông Nguyễn Ngọc T1, người bị yêu cầu là ông Nguyễn Khắc T2, ông T1 là con của ông T2, ông T1 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2, vì vậy ông T1 có quyền yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông Nguyễn Khắc T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 391 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T1 thì thấy:

Tài liệu gửi kèm theo đơn yêu cầu, ông T1 cung cấp tài liệu chứng minh ông đã thông báo tìm kiếm ông Nguyễn Khắc T2 trên Trung tâm truyền thông tỉnh Quảng Ninh; xác nhận của Công an phường C về việc ông T2 bỏ đi biệt tích từ năm 1983 không có tin tức gì, năm 2005 ông Tuấn bị xóa tên trong sổ hộ khẩu. Nội dung về việc ông T2 bỏ nhà đi biệt tích, cho đến nay không có thông tin xác thực là còn sống được thể hiện tại biên bản xác minh do Tòa án thu thập. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là những người chị ruột của ông T1, là bà Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị Th2 có quan điểm đồng ý những nội dung ông T1 trình bày và không có ý kiến gì khác về việc ông T1 yêu cầu tòa án tuyên bố chết đối với ông Nguyễn Khắc T2.

Trong thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu, ngày 01/06/2022 Tòa án đã quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết. Quyết định trên đã được đăng trên Báo Nhân dân, Đài phát thanh VOV trong 03 số liên tiếp (ngày đăng đầu tiên là ngày 15/7/2022). Đã hết thời hạn đăng thông báo 04 tháng nhưng cũng không có thông tin gì về ông Nguyễn Khắc T2, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã quyết định mở phiên họp giải quyết đơn yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T1.

Với các dẫn chứng trên, đủ căn cứ kết luận ông Nguyễn Khắc T2 đã bỏ đi biệt tích đến nay đã quá 05 năm và không có tin tức xác thực là còn sống, là trường hợp Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T1 về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Khắc T2 là đã chết là có cơ sở, được chấp nhận. Ông Nguyễn Khắc T2 bị tuyên bố chết thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự, cụ thể, ông T2 bỏ đi biệt tích từ năm 1983, nên ngày chết của ông T2 xác định là ngày 01/01/1989. Hậu quả pháp lý của người bị tuyên bố là đã chết theo quyết định của Tòa án được quy định tại Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Do ông Nguyễn Ngọc T1 – sinh năm 1958 là người cao tuổi, ông T1 có đơn đề nghị được miễn tạm ứng lệ phí và lệ phí giải quyết việc dân sự. Nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T1 được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71; Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 391; Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Ngọc T1;

Tuyên bố: ông Nguyễn Khắc T2, sinh năm 1917 có nơi cư trú cuối cùng tại số nhà 34, phố L, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh; nay là số nhà 57 phố L, thuộc tổ 22, khu Đ, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh là đã chết; ngày chết đối với ông Nguyễn Khắc T2 là 01/01/1989; hậu quả pháp lý của việc ông Nguyễn Khắc T2 bị tuyên bố là đã chết theo quy định tại Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Ngọc T1 được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: căn cứ quy định tại Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự: người yêu cầu là ông Nguyễn Ngọc T1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th1, bà Nguyễn Thị T3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th2, người bị yêu cầu là ông Nguyễn Khắc T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi và NV liên quan;
- UBND phường Cẩm Đông;
- VKS ND Tp Cẩm Phả;
- VKS ND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đặng Thị Minh Nga

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
- (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-VDS:

- (1) Ghi loại việc dân sự mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải Quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (ví dụ: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích; yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật; yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu;...).
- (2) và (5) Ghi tên Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (3) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và họ tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó. Nếu là người đại diện theo pháp luật thì sau họ tên ghi "- là người đại diện theo pháp luật của người có quyền yêu cầu" và ghi rõ họ tên của người có quyền yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi "- là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền yêu cầu theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày" và ghi rõ họ tên của người có quyền yêu cầu. Trường hợp có nhiều người cùng làm đơn yêu cầu thì đánh số thứ tự 1, 2, 3,... và ghi đầy đủ các thông tin của từng người.
- (4) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó tại thời điểm làm đơn yêu cầu (ví dụ: thôn Bình An, xã Phú Cường, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó tại thời điểm làm đơn yêu cầu (ví dụ: trụ sở tại số 20 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).
- (6) Ghi cụ thể những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (7) Ghi rõ lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự đó.
- (8) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của những người mà người yêu cầu nhận thấy có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự đó.
- (9) Ghi những thông tin khác mà người yêu cầu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết yêu cầu của mình.
- (10) Ghi rõ tên các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu, là bản sao hay bản chính, theo thứ tự 1, 2, 3,... (ví dụ: 1. Bản sao Giấy khai sinh của ông Nguyễn Văn A; 2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của ông Trần Văn B và bà Phạm Thị C;....).
- (11) Ghi địa điểm, thời gian làm đơn yêu cầu (ví dụ: *Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2018; Hưng Yên, ngày 18 tháng 02 năm 2019*).
- (12) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó. Trường hợp người yêu cầu là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều người cùng yêu cầu thì cùng ký và ghi rõ họ tên của từng người vào cuối đơn yêu cầu.